

Trường: THPT Lộc Hiệp

TT	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Điểm thi			Điểm ut kk	Điểm xét tuyển	Trúng tuyển	Ghi chú
					Văn	Toán	Anh				
1	VI QUỐC KHANH	26/03/2009	BÌNH PHƯỚC	THÁI						TUYỂN THẮNG	
2	LỘC NGUYỄN VĂN TRƯỜNG	15/10/2010	BÌNH PHƯỚC	THÁI						TUYỂN THẮNG	
3	NGUYỄN PHƯƠNG ANH	10/06/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH						TUYỂN THẮNG	
4	LÂM MINH ĐIỂN	20/11/2009	BÌNH PHƯỚC	KHMER						TUYỂN THẮNG	
5	LÂM MINH HIẾU	28/01/2010	BÌNH PHƯỚC	KHMER						TUYỂN THẮNG	
6	LÂM HUY	28/12/2010	BÌNH PHƯỚC	KHMER						TUYỂN THẮNG	
7	ĐIỀU MINH KHÀI	22/04/2010	BÌNH PHƯỚC	XTIÊNG						TUYỂN THẮNG	
8	NGUYỄN THANH KIỀU	29/10/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH						TUYỂN THẮNG	
9	ĐIỀU MINH NHÂN	28/02/2010	BÌNH PHƯỚC	XTIÊNG						TUYỂN THẮNG	
10	THỊ TRÂM	12/05/2010	BÌNH PHƯỚC	XTIÊNG						TUYỂN THẮNG	
11	THỊ VIN	07/03/2010	BÌNH PHƯỚC	KHMER						TUYỂN THẮNG	
12	TRẦN VŨ	18/10/2010	BÌNH PHƯỚC	MƯỜNG						TUYỂN THẮNG	
13	ĐIỀU DUY ANH	02/12/2010	BÌNH PHƯỚC	XTIÊNG						TUYỂN THẮNG	
14	KIM THỊ HOÀNG ANH	29/06/2010	BÌNH PHƯỚC	KHMER						TUYỂN THẮNG	
15	ĐIỀU DŨNG	19/11/2010	BÌNH PHƯỚC	XTIÊNG						TUYỂN THẮNG	
16	NGUYỄN NGÂN KHÁNH	07/11/2010	LÂM ĐỒNG	MƯỜNG						TUYỂN THẮNG	
17	LÂM VĂN TÌNH	15/02/2010	BÌNH PHƯỚC	KHMER						TUYỂN THẮNG	
18	LÂM THỊ NGỌC TRÂM	09/01/2010	BÌNH PHƯỚC	KHMER						TUYỂN THẮNG	
19	THỊ TY	18/12/2010	BÌNH PHƯỚC	KHMER						TUYỂN THẮNG	
20	TRẦN NGỌC KHÁNH BÌNH	24/05/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	8.250	9.500	9.800		27.550	NV1	
21	LÊ THỊ BẢO NGỌC	28/07/2010	BÌNH DUƠNG	KINH	8.500	9.500	9.200		27.200	NV1	
22	NGUYỄN THỊ HỒNG THÁI	21/02/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	8.500	8.750	9.000		26.250	NV1	
23	PHẠM BẢO THY	27/10/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	8.250	8.500	9.000		25.750		
24	NGUYỄN NGỌC ANH THY	20/08/2010	BÌNH DUƠNG	KINH	7.500	7.750	10.000		25.250	NV1	
25	TRẦN THỊ MỸ LINH	06/03/2010	TP. HỒ CHÍ MINH	KINH	7.250	8.500	9.200		24.950	NV1	
26	HỒ KHÁNH HUỖN	23/05/2010	TP. HỒ CHÍ MINH	KINH	7.250	9.250	8.400		24.900	NV1	
27	TRƯƠNG HỒNG PHƯỚC	28/12/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	8.000	8.000	8.800		24.800	NV1	

TT	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Điểm thi			Điểm ut kk	Điểm xét tuyển	Trúng tuyển	Ghi chú
					Văn	Toán	Anh				
28	NGUYỄN THỊ TRÚC MY	05/03/2010	BÌNH DƯƠNG	KINH	8.250	9.500	7.000		24.750	NV1	
29	HUỶNH NGUYỄN BẢO ANH	04/05/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	7.750	9.000	8.000		24.750	NV2	
30	NGUYỄN ĐÌNH VĂN	04/12/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	8.000	9.250	7.400		24.650	NV1	
31	TRẦN THỊ NGỌC NHI	20/08/2010	BÌNH DƯƠNG	KINH	8.250	8.250	8.100		24.600	NV1	
32	BÙI VĂN KIẾT	22/04/2010	TP. HỒ CHÍ MINH	KINH	9.000	8.500	6.000	1.0	24.500	NV1	
33	NGUYỄN PHƯƠNG TRINH	09/03/2009	BÌNH PHƯỚC	KINH	7.250	8.000	9.200		24.450	NV1	
34	NGUYỄN AN PHƯƠNG ANH	08/11/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	7.750	9.500	6.100	1.0	24.350	NV1	
35	ĐOÀN PHẠM BẢO THY	22/12/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	8.250	8.250	6.800	1.0	24.300	NV1	
36	PHAN KIM KHÁNH	02/07/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	8.250	8.750	6.200	1.0	24.200	NV1	
37	NGUYỄN BẢO TRÂM	07/06/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	7.500	9.000	7.100		23.600	NV1	
38	TRẦN THỊ TÚ LINH	20/02/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	8.250	9.000	6.300		23.550	NV1	
39	CAO HUỶNH THẨM	15/01/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	7.750	6.000	9.600		23.350	NV1	
40	NGUYỄN THỊ KIM PHỤNG	05/02/2010	GIA LAI	KINH	7.000	9.000	6.150	1.0	23.150	NV1	
41	VŨ THỊ PHƯƠNG LINH	27/09/2010	BÌNH DƯƠNG	KINH	7.250	8.000	7.800		23.050	NV1	
42	NGUYỄN THỊ HIỀN	12/03/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	8.750	8.750	4.200	1.0	22.700	NV1	
43	NGUYỄN THỊ THU HIỀN	20/07/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	8.750	9.000	3.800	1.0	22.550	NV1	
44	PHẠM QUỲNH HUƠNG	09/01/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	8.000	7.250	6.200	1.0	22.450	NV1	
45	VŨ THỊ QUỲNH NHƯ	21/08/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	8.750	7.500	5.100	1.0	22.350	NV1	
46	PHẠM THỊ TUYẾT LÊ	21/09/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	8.500	8.500	5.300		22.300	NV1	
47	THÁI TÂM NHƯ	14/09/2010	BÌNH DƯƠNG	KINH	8.500	9.000	4.600		22.100	NV1	
48	VŨ NGUYỄN KHÁNH THƯ	14/09/2010	TP. HỒ CHÍ MINH	KINH	7.750	8.750	4.400	1.0	21.900	NV1	
49	LÊ THỊ TRÚC MAI	15/11/2010	ĐỒNG NAI	KINH	8.250	8.000	4.600	1.0	21.850	NV1	
50	PHẠM MINH HOÀNG	20/02/2010	NINH BÌNH	KINH	6.750	7.500	7.200		21.450	NV1	
51	THỊ SƠ BANH	13/03/2010	BÌNH PHƯỚC	KHMER	8.500	7.500	4.400	1.0	21.400	NV1	
52	MAI NGUYỄN NHƯ QUỲNH	10/12/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	7.750	6.250	7.300		21.300	NV1	
53	TRẦN THÁI TÂM	06/11/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	6.250	9.500	5.500		21.250	NV1	
54	LÊ THỊ NHƯỠY	02/04/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	7.250	7.500	6.300		21.050	NV1	

TT	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Điểm thi			Điểm ut kk	Điểm xét tuyển	Trúng tuyển	Ghi chú
					Văn	Toán	Anh				
55	LÊ THANH TRÚC	27/09/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	7.250	7.750	5.900		20.900	NV1	
56	HOÀNG VĂN LUYỆN	24/02/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	7.250	7.750	5.800		20.800	NV1	
57	TRẦN XUÂN DỊU	29/04/2010	BÌNH DƯƠNG	KINH	8.750	6.500	5.300		20.550	NV1	
58	ĐẶNG HOÀI ĐỨC	25/11/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	6.750	6.500	7.300		20.550	NV1	
59	LÊ CAO THIÊN TẤN	04/07/2010	TRÀ VINH	KINH	6.000	6.750	7.600		20.350	NV1	
60	NGUYỄN THỊ HƯƠNG GIANG	09/12/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	7.750	8.500	2.800	1.0	20.050	NV1	
61	PHAN HOÀNG THANH TỬ	27/03/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	6.750	8.250	5.000		20.000	NV1	
62	HOÀNG VŨ TƯỜNG VY	12/09/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	7.250	8.250	3.500	1.0	20.000	NV1	
63	HUỲNH MINH VY	02/02/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	7.500	6.250	5.200	1.0	19.950	NV1	
64	NGUYỄN MINH TRƯỜNG THỊNH	05/04/2010	BẾN TRE	KINH	7.250	8.500	4.200		19.950	NV2	
65	DƯƠNG HUY THỐNG	14/03/2010	HÀ NAM	KINH	7.750	7.500	3.600	1.0	19.850	NV1	
66	KIM GIA HÂN	27/11/2010	VŨNG TÀU	KHOME	6.750	7.500	4.500	1.0	19.750	NV1	
67	HUỲNH NGỌC ANH THƯ	16/03/2010	BÌNH DƯƠNG	KINH	6.750	6.750	6.100		19.600	NV1	
68	ĐÌNH THỊ NGỌC NHUNG	27/08/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	8.500	5.500	5.500		19.500	NV1	
69	HOÀNG TRÍ THỨC	07/05/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	7.500	7.000	3.700	1.0	19.200	NV1	
70	PHAN THANH HIỀN	18/10/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	7.250	8.250	2.600	1.0	19.100	NV1	
71	LÊ THỊ TUYẾT NHUNG	10/07/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	7.250	6.750	5.100		19.100	NV1	
72	ĐỖ DƯƠNG BÍCH TRÂM	11/07/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	7.250	8.750	3.100		19.100	NV1	
73	LÊ THỊ THÙY TRANG	05/03/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	7.250	8.000	2.400	1.0	18.650	NV1	
74	LÊ MINH ĐẠT	02/09/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	5.250	7.000	6.200		18.450	NV1	
75	ĐÀO NGỌC LÂM ANH	17/04/2010	TP. HỒ CHÍ MINH	KINH	7.500	6.750	3.700		17.950	NV1	
76	TRẦN BẢO NGỌC	27/07/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	7.500	6.250	3.200	1.0	17.950	NV1	
77	PHÙNG LAN ANH	09/08/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	7.000	7.250	3.600		17.850	NV1	
78	HUỲNH HẢI ĐĂNG	12/08/2010	TP. HỒ CHÍ MINH	KINH	7.250	7.500	2.100	1.0	17.850	NV1	
79	ĐOÀN NGỌC Ý	24/02/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	7.500	6.750	3.500		17.750	NV1	
80	NGUYỄN THỊ THÙY LINH	16/01/2010	HÀ TĨNH	KINH	8.000	7.000	2.700		17.700	NV1	
81	NGUYỄN HOÀNG PHƯƠNG LINH	05/04/2010	ĐỒNG NAI	KINH	7.000	8.250	2.400		17.650	NV1	

TT	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Điểm thi			Điểm uf kk	Điểm xét tuyển	Trúng tuyển	Ghi chú
					Văn	Toán	Anh				
82	LÊ BÌNH DƯƠNG	05/10/2010	BÌNH DƯƠNG	KINH	6.000	7.250	3.300	1.0	17.550	NV1	
83	TRẦN VIỆT DƯƠNG	20/02/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	6.000	7.750	3.800		17.550	NV1	
84	NGÔ NỮ Ý NHƯ	26/07/2010	TP. HỒ CHÍ MINH	KINH	7.750	7.000	1.800	1.0	17.550	NV1	
85	NGUYỄN THỊ THÚY NGA	28/01/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	6.750	7.750	2.000	1.0	17.500	NV1	
86	LÊ TIẾN TRƯỜNG	09/05/2010	TP. HỒ CHÍ MINH	KINH	8.250	5.750	2.500	1.0	17.500	NV1	
87	NGUYỄN THỊ KIỀU LINH	08/02/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	6.000	7.750	2.700	1.0	17.450	NV1	
88	ĐƯƠNG GIA BẢO	31/10/2010	TP. HỒ CHÍ MINH	KINH	5.250	7.000	5.100		17.350	NV1	
89	HOÀNG MẠNH BÌNH	23/07/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	7.000	6.750	3.600		17.350	NV1	
90	NGUYỄN THỊ THÚY TIÊN	07/05/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	7.500	6.500	3.300		17.300	NV1	
91	NGUYỄN HỮU THY	04/04/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	6.250	2.750	7.200	1.0	17.200	NV1	
92	TRƯƠNG MỸ THU	13/10/2010	BÌNH DƯƠNG	KINH	6.500	7.250	3.400		17.150	NV1	
93	NGUYỄN HẢI ĐĂNG	01/04/2010	BÌNH DƯƠNG	KINH	4.750	8.500	5.400		18.650	NV2	
94	NGUYỄN THỊ BẢO THY	05/10/2010	BÌNH DƯƠNG	KINH	6.250	7.000	2.800	1.0	17.050	NV1	
95	ĐỖ PHẠM HOÀNG MINH	12/11/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	7.750	5.250	3.000	1.0	17.000	NV1	
96	TRẦN THỊ NGỌC TRÂM	11/11/2009	AN GIANG	KINH	5.500	6.500	5.000		17.000	NV1	
97	LƯU TRƯỜNG GIA HUY	11/01/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	7.250	7.500	2.200		16.950	NV1	
98	LÊ HOÀNG THI	05/10/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	4.750	7.500	3.700	1.0	16.950	NV1	
99	BÙI TRẦN MINH TÂM	30/01/2010	NINH BÌNH	KINH	7.250	6.750	2.900		16.900	NV1	
100	NGUYỄN GIA HÂN	07/09/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	7.250	5.750	2.800	1.0	16.800	NV1	
101	LƯU THỊ THANH HẰNG	14/12/2010	BÌNH PHƯỚC	SÁN DƯU	8.000	4.750	3.000	1.0	16.750	NV1	
102	PHẠM VŨ QUỲNH NHƯ	29/10/2010	NAM ĐỊNH	KINH	5.000	8.250	3.500		16.750	NV1	
103	NGUYỄN VĂN ĐỨC	10/03/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	5.750	5.500	4.450	1.0	16.700	NV1	
104	HUỲNH HẢI	17/06/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	6.000	6.000	4.700		16.700	NV1	
105	HUỲNH THỊ THU HÀ	18/01/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	7.750	5.000	2.900	1.0	16.650	NV1	
106	VÕ THỊ MỸ NUONG	07/07/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	7.500	5.750	2.400	1.0	16.650	NV1	
107	TRẦN HOÀNG THANH	20/12/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	5.750	6.000	3.900	1.0	16.650	NV1	
108	ĐÀM LÊ THÀNH ĐỨC	14/09/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	6.750	7.250	1.600	1.0	16.600	NV1	

TT	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Điểm thi			Điểm ut kk	Điểm xét tuyển	Trúng tuyển	Ghi chú
					Văn	Toán	Anh				
109	NGUYỄN THỊ ANH THO	31/05/2010	BẾN TRE	KINH	6.750	6.250	2.600	1.0	16.600	NV1	
110	NGUYỄN THẢO VY	30/10/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	5.750	7.250	3.200		16.200	NV1	
111	LÂM NGUYỄN NHỊ ĐÌNH	09/11/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	7.750	4.000	3.400	1.0	16.150	NV1	
112	NGUYỄN HOÀNG CẨM LY	29/09/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	6.000	6.750	2.400	1.0	16.150	NV1	
113	NGUYỄN THỊ KIỀU MỸ	01/04/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	6.250	6.500	3.400		16.150	NV1	
114	LÊ TRƯỜNG SINH	08/06/2010	THANH HOÁ	KINH	5.000	7.250	3.900		16.150	NV1	
115	NGUYỄN BẢO THANH	23/01/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	6.250	6.000	3.900		16.150	NV1	
116	PHẠM QUỲNH ANH	14/01/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	6.750	6.000	3.900	1.0	17.650	NV2	
117	LÂM THANH THIÊN MỸ	22/03/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	6.500	5.000	4.600		16.100	NV1	
118	ĐÌNH CÔNG SON	02/12/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	5.500	7.500	2.100	1.0	16.100	NV1	
119	NGUYỄN ĐỨC TRỌNG	18/07/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	7.000	5.500	3.500		16.000	NV1	
120	NGUYỄN ĐĂNG KHÁNH ĐAN	12/09/2010	ĐẮK LẮK	KINH	7.250	5.500	2.200	1.0	15.950	NV1	
121	ĐỖ HUỲNH TRẦN LÝ	07/10/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	6.750	5.750	2.400	1.0	15.900	NV1	
122	VÔ THỊ HUỲNH TRẦN	18/02/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	6.250	5.250	4.400		15.900	NV1	
123	TRẦN KHÁNH LY	29/06/2010	BÌNH DUƠNG	KINH	6.000	6.000	3.600		15.600	NV1	
124	LÊ THỊ TRÀ MỸ	01/01/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	6.000	6.000	3.500		15.500	NV1	
125	TRẦN THỊ DIỄM	08/12/2010	HÀ NAM	KINH	7.250	5.000	3.200		15.450	NV1	
126	TRẦN THỊ QUỲNH NHƯ	08/09/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	8.000	3.750	2.650	1.0	15.400	NV1	
127	TRƯƠNG THỊ MỸ DUYỀN	05/01/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	7.250	3.500	4.600		15.350	NV1	
128	TRẦN THỊ QUỲNH NHƯ	31/07/2009	BÌNH PHƯỚC	KINH	6.000	6.000	2.200	1.0	15.200	NV1	
129	NGUYỄN THỊ YẾN THY	15/08/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	6.250	3.750	5.200		15.200	NV1	
130	NGUYỄN HỒNG VỸ	22/04/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	7.750	4.500	2.900		15.150	NV1	
131	VÔ HOÀI THÁI MỸ	24/08/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	6.250	5.250	2.600	1.0	15.100	NV1	
132	NGUYỄN ĐỖ CÔNG ANH	02/08/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	5.250	6.250	2.400	1.0	14.900	NV1	
133	PHẠM NGỌC THẠCH	01/01/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	5.250	5.750	2.900	1.0	14.900	NV1	
134	NGUYỄN ĐÌNH HOÀNG ANH	08/11/2010	THÁI BÌNH	KINH	5.750	6.500	1.600	1.0	14.850	NV1	
135	LÊ THỊ QUỲNH NHƯ	17/09/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	7.500	3.750	2.600	1.0	14.850	NV1	

TT	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Điểm thi			Điểm ut kk	Điểm xét tuyển	Trúng tuyển	Ghi chú
					Văn	Toán	Anh				
136	LƯƠNG THỊ MỸ DUYÊN	23/12/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	7.500	4.500	1.800	1.0	14.800	NV1	
137	ĐƯỜNG NGỌC LIỄU	11/07/2010	AN GIANG	KINH	4.750	5.750	3.300	1.0	14.800	NV1	
138	THẠCH PHƯƠNG TRINH	04/02/2010	BÌNH PHƯỚC	KHMER	7.250	2.750	3.800	1.0	14.800	NV1	
139	ĐOÀN THỊ AN LAN	14/10/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	6.750	5.000	2.000	1.0	14.750	NV1	
140	HOÀNG THỊ HỒNG GẮM	04/02/2010	BÌNH PHƯỚC	TÀY	7.500	3.750	2.400	1.0	14.650	NV1	
141	NGUYỄN ĐỨC NGHĨA	07/05/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	5.750	6.250	2.600		14.600	NV1	
142	ĐÀO DUY NAM	17/09/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	4.500	4.000	6.000		14.500	NV1	
143	NGUYỄN LA PHÚC TÂM	01/10/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	7.000	4.750	2.700		14.450	NV1	
144	PHẠM NGỌC THÙY DƯƠNG	02/06/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	5.750	4.000	4.550		14.300	NV1	
145	PHAN THÙY DƯƠNG	13/02/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	7.750	3.750	2.800		14.300	NV1	
146	CAO NGỌC TƯỜNG VY	28/08/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	6.250	4.500	2.400	1.0	14.150	NV1	
147	TRẦN KIM XĂNG	25/11/2009	BÌNH PHƯỚC	KINH	6.750	5.000	2.400		14.150	NV1	
148	NGUYỄN THỊ THẢO VY	11/03/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	6.750	3.750	2.600	1.0	14.100	NV1	
149	NGUYỄN THỊ THẢO VY	29/03/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	7.250	4.000	2.800		14.050	NV1	
150	TRẦN VĂN HIỂU	24/10/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	5.500	5.500	2.000	1.0	14.000	NV1	
151	LÂM QUỐC PHƯƠNG	01/05/2010	BÌNH PHƯỚC	NÙNG	5.500	5.500	2.000	1.0	14.000	NV1	
152	NGUYỄN TẤN PHONG	22/11/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	6.000	4.750	3.200		13.950	NV1	
153	NGUYỄN CHÍ TÀI	25/12/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	6.000	4.500	2.400	1.0	13.900	NV1	
154	NGUYỄN VĂN CHÍ	22/07/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	6.250	5.000	1.600	1.0	13.850	NV1	
155	LÊ MINH ĐỨC	26/09/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	4.500	3.500	5.800		13.800	NV1	
156	NGUYỄN THỊ MINH THU	23/08/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	6.750	4.000	3.000		13.750	NV1	
157	NGUYỄN QUỐC BẢO	01/01/2010	QUẢNG TRỊ	KINH	6.500	4.000	2.200	1.0	13.700	NV1	
158	ĐỖ QUANG TUẤN	27/04/2010	ĐẮK LẮK	KINH	5.000	5.250	2.400	1.0	13.650	NV1	
159	NGUYỄN KIM HIỀN	30/01/2010	HẬU GIANG	KINH	7.750	3.750	2.000		13.500	NV1	
160	PHẠM LÊ VĂN	12/02/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	4.500	5.500	3.500		13.500	NV1	
161	PHẠM QUỐC THỊNH	29/10/2010	TP. HỒ CHÍ MINH	KINH	4.500	6.250	2.600		13.350	NV1	
162	NGUYỄN THU PHƯƠNG	30/09/2010	HẢI PHÒNG	KINH	7.500	3.000	2.800		13.300	NV1	

Trường: THPT Lộc Hiệp

TT	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Điểm thi			Điểm uf kk	Điểm xét tuyển	Trúng tuyển	Ghi chú
					Văn	Toán	Anh				
163	NGUYỄN THỊ VIỆT ANH	09/01/2010	NGHỆ AN	KINH	6.750	3.500	3.000		13.250	NV1	
164	LÂM THỊ KIM SANG	10/05/2010	BÌNH PHƯỚC	KHMER	7.250	2.750	2.200	1.0	13.200	NV1	
165	ĐIỀU LÂM THÁI DƯƠNG	09/07/2010	BÌNH PHƯỚC	X-TIẾNG	7.500	1.750	2.800	1.0	13.050	NV1	
166	PHẠM THỊ HIỀN	08/04/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	6.750	3.500	2.800		13.050	NV1	
167	LÂM HỒNG TUẤN ANH	22/10/2010	BÌNH PHƯỚC	KHMER	5.750	3.000	3.200	1.0	12.950	NV1	
168	TRẦN THỊ TUYẾT TRINH	23/10/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	7.250	2.500	3.200		12.950	NV1	
169	PHÙNG QUANG TRƯỜNG	09/10/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	6.500	2.750	2.600	1.0	12.850	NV1	
170	NGUYỄN HOÀNG HÙNG NHÀN	13/09/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	6.250	2.750	2.800	1.0	12.800	NV1	
171	NGUYỄN NHÀN SINH	28/05/2010	TIỀN GIANG	KINH	5.750	4.250	2.800		12.800	NV1	
172	LÊ ĐĂNG THUY TRANG	08/12/2010	NINH THUẬN	KINH	5.000	5.500	2.300		12.800	NV1	
173	NGUYỄN THU TRANG	30/12/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	5.750	5.250	1.800		12.800	NV1	
174	TRẦN XUÂN DIỆP	21/02/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	7.500	3.250	2.000		12.750	NV1	
175	NGUYỄN THÚY KIỀU	28/04/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	6.750	3.500	1.400	1.0	12.650	NV1	
176	MAI THÀNH THẮNG	03/12/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	5.000	3.250	3.400	1.0	12.650	NV1	
177	PHẠM THẾ ANH	07/01/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	6.000	3.500	3.000		12.500	NV1	
178	NGUYỄN MINH DŨNG	17/11/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	5.750	4.750	2.000		12.500	NV1	
179	TRẦN HOÀI LINH	14/03/2009	BÌNH PHƯỚC	KINH	5.750	3.500	2.100	1.0	12.350	NV1	
180	LÊ THỊ CẨM TIỀN	15/08/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	5.250	3.500	3.600		12.350	NV1	
181	NGUYỄN ĐỖ ĐÌNH KHÔI	26/11/2010	BÌNH THUẬN	KINH	6.750	2.500	2.000	1.0	12.250	NV1	
182	LÊ NGỌC THỦY	29/07/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	5.500	4.250	2.500		12.250	NV1	
183	HUỲNH KIM MINH QUANG	10/06/2010	TP. HỒ CHÍ MINH	KINH	6.250	2.500	3.300		12.050	NV1	
184	NGUYỄN VĂN THA	05/05/2010	TP. HỒ CHÍ MINH	KINH	5.500	2.750	2.800	1.0	12.050	NV1	
185	NGUYỄN ĐỨC ĐẠI	20/08/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	5.500	3.500	3.000		12.000	NV1	
186	ĐÀM THỊ THUY PHƯƠNG	01/08/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	5.750	2.750	2.400	1.0	11.900	NV1	
187	NGUYỄN HOÀNG TRỌNG	29/09/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	5.500	2.500	3.900		11.900	NV1	
188	TRẦN THỊ THÚY AN	13/12/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	5.250	3.750	1.800	1.0	11.800	NV1	
189	LÊ HỒNG THẨM	19/10/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	6.750	2.000	3.000		11.750	NV1	

TT	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Điểm thi			Điểm ut kk	Điểm xét tuyển	Trúng tuyển	Ghi chú
					Văn	Toán	Anh				
190	PHAN THANH VŨ	21/01/2010	THANH HÓA	KINH	5.000	4.750	2.000		11.750	NV1	
191	NGUYỄN LÊ THÚY VY	20/01/2010	TP. HỒ CHÍ MINH	KINH	6.250	1.750	3.700		11.700	NV1	
192	TRẦN ĐÌNH DUY	02/12/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	6.750	2.250	2.600		11.600	NV1	
193	ĐỖ VĂN TÂM	29/09/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	4.750	4.750	2.000		11.500	NV1	
194	VÕ TRẦN DUY AN	24/11/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	5.750	2.500	2.200	1.0	11.450	NV1	
195	NGUYỄN TRƯỜNG THIÊN KIẾN	12/11/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	5.500	3.750	2.200		11.450	NV1	
196	NGUYỄN VĂN TRƯỜNG	19/10/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	7.500	1.000	2.900		11.400	NV1	
197	TRẦN HOÀNG KIM NGÂN	10/12/2010	BÌNH DƯƠNG	KINH	4.500	4.000	2.850		11.350	NV1	
198	NGUYỄN THỊ THANH HUỲN	05/04/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	5.500	3.000	2.800		11.300	NV1	
199	MAI THỊ ÁNH MỸ	25/10/2010	LÂM ĐỒNG	KINH	6.000	2.000	3.300		11.300	NV1	
200	NGUYỄN HOÀNG TÂM NHƯ	05/01/2010	BÌNH DƯƠNG	KINH	6.250	3.000	2.000		11.250	NV1	
201	PHAN TRỌNG NGHĨA	29/07/2010	THANH HÓA	KINH	4.250	3.750	2.200	1.0	11.200	NV1	
202	NGÔ TRUNG HIẾU	22/09/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	3.750	3.000	3.400	1.0	11.150	NV1	
203	PHẠM THÁI HOÀ	23/08/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	4.250	3.500	2.400	1.0	11.150	NV1	
204	THẠCH THỊ NGOAN	25/09/2010	BÌNH PHƯỚC	KHMER	5.000	1.750	3.400	1.0	11.150	NV1	
205	LÝ THỊ NHƯ MAI	06/11/2010	BÌNH PHƯỚC	KHMER	5.500	2.500	2.100	1.0	11.100	NV1	
206	NGUYỄN NHẬT MINH ĐĂNG	02/03/2010	HÀ TĨNH	KINH	4.500	3.000	3.500		11.000	NV1	
207	LÊ THỊ THÙY LINH	17/03/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	5.250	3.750	2.000		11.000	NV1	
208	TRẦN PHÚC MINH	11/02/2010	TP. HỒ CHÍ MINH	KINH	3.500	3.750	3.700		10.950	NV1	
209	NGUYỄN HOÀI BẢO	10/02/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	5.250	2.250	3.400		10.900	NV1	
210	NGUYỄN MINH TÚ	12/07/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	5.250	3.750	1.900		10.900	NV1	
211	ĐỖ NHẬT THIÊN	19/08/2010	BÌNH DƯƠNG	KINH	5.250	3.750	1.800		10.800	NV1	
212	LỘC THÁI AN THUẬN	15/10/2010	BÌNH PHƯỚC	THÁI	5.500	1.250	2.800	1.0	10.550	NV1	
213	BÙI THANH VÂN	11/12/2010	BÌNH DƯƠNG	KINH	5.500	2.500	2.200		10.200	NV1	
214	TRƯƠNG ĐAN HUY	10/08/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	5.750	1.750	2.600		10.100	NV1	
215	NGUYỄN HỮU THỊNH	23/11/2009	BÌNH PHƯỚC	KINH	3.250	4.250	1.600	1.0	10.100	NV1	
216	VƯƠNG THANH HƯỜNG	22/11/2010	BÌNH PHƯỚC	TÂY	4.250	2.750	2.000	1.0	10.000	NV1	

Trường: THPT Lộc Hiệp

TT	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Điểm thi			Điểm ut kk	Điểm xét tuyển	Trúng tuyển	Ghi chú
					Văn	Toán	Anh				
217	NGUYỄN TRỌNG NGHĨA	20/03/2010	TÂY NINH	KINH	5.500	1.250	2.200	1.0	9.950	NV1	
218	VÕ HOÀNG PHÚC	12/02/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	5.500	1.250	3.200		9.950	NV1	
219	NGÔ THANH THẢO	30/10/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	5.250	2.500	2.200		9.950	NV1	
220	VƯƠNG THANH HOÀI	22/11/2010	BÌNH PHƯỚC	TÀY	4.750	2.250	1.800	1.0	9.800	NV1	
221	NGUYỄN HOÀNG NHÀN	23/04/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	5.000	2.750	2.000		9.750	NV1	
222	TRẦN DIỄM TRANG	06/08/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	4.750	2.500	2.500		9.750	NV1	
223	PHẠM BẢO SANG	19/09/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	3.000	3.000	2.700	1.0	9.700	NV1	
224	PHẠM KHÁNH HÙNG	10/01/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	4.250	3.500	1.800		9.550	NV1	
225	ĐÀO TUẤN MAY	26/11/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	4.500	2.750	1.200	1.0	9.450	NV1	
226	SƠN THANH TIẾN	15/09/2009	BÌNH PHƯỚC	KHMER	4.750	1.500	2.200	1.0	9.450	NV1	
227	NGUYỄN THỊ NHƯ TIẾN	27/4/2010	AN GIANG	KINH	4.750	2.250	1.400	1.0	9.400	NV1	
228	THẠCH THỊ THỦY TIẾN	05/02/2010	TRÀ VINH	KHMER	4.500	2.250	1.600	1.0	9.350	NV1	
229	LÊ NGỌC ANH TUẤN	01/11/2009	BÌNH PHƯỚC	KINH	5.000	1.750	2.600		9.350	NV1	
230	NGUYỄN THỊ VĂN LY	28/10/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	6.000	1.500	1.800		9.300	NV1	
231	LÊ HOÀNG TRÍ	15/12/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	4.500	2.000	2.800		9.300	NV1	
232	THỊ CHINH	20/10/2010	BÌNH PHƯỚC	X'TIENG	5.000	0.500	2.600	1.0	9.100	NV1	
233	DƯƠNG VIỆT CƯỜNG	31/08/2010	BÌNH DƯƠNG	KINH	4.750	1.500	2.800		9.050	NV1	
234	TRƯƠNG TẤN PHÁT	15/11/2009	BÌNH PHƯỚC	KINH	3.750	0.750	3.500	1.0	9.000	NV1	
235	NGUYỄN VĂN PHONG	01/08/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	3.250	2.500	3.200		8.950	NV1	
236	MAI VŨ CẨM VY	08/05/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	3.250	3.500	2.200		8.950	NV1	
237	NGUYỄN VŨ ANH THỨ	23/03/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	5.250	1.250	2.400		8.900	NV1	
238	KIỀU HỒNG HÀ	03/03/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	5.250	2.000	1.600		8.850	NV1	
239	NGUYỄN NGỌC BẢO	20/07/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	5.000	1.750	2.000		8.750	NV1	
240	NGUYỄN XUÂN GIANG	20/02/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	5.250	1.000	2.400		8.650	NV1	
241	ĐỖ THỊ MINH THỨ	17/07/2010	KHÁNH HOÀ	KINH	4.000	3.000	1.600		8.600	NV1	
242	THÁI THỊ PHI NHUNG	13/03/2009	BÌNH PHƯỚC	KINH	5.750	0.750	2.000		8.500	NV1	
243	HOÀNG ĐÌNH TRỌNG	27/09/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	5.250	0.250	3.000		8.500	NV1	

Trường: THPT Lộc Hiệp

TT	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Điểm thi			Điểm ut kk	Điểm xét tuyển	Trúng tuyển	Ghi chú
					Văn	Toán	Anh				
244	NGUYỄN HOÀNG MINH THIÊN	26/07/2010	BÌNH DƯƠNG	KINH	2.500	2.750	2.200	1.0	8.450	NV1	
245	NGUYỄN TRẦN THIÊN	14/01/2010	TP. HỒ CHÍ MINH	KINH	6.000	0.250	2.200		8.450	NV1	
246	BÙI VŨ QUANG HUY	08/07/2010	BÌNH PHƯỚC	MƯỜNG	3.750	0.750	2.800	1.0	8.300	NV1	
247	NGUYỄN XUÂN BÁC	13/04/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	4.750	1.250	2.200		8.200	NV1	
248	HỒ XUÂN BÌNH	31/07/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	4.500	1.500	2.200		8.200	NV1	
249	LÊ THỊ DIỆU HIỀN	01/08/2009	BÌNH PHƯỚC	KINH	4.750	1.750	1.600		8.100	NV1	
250	NGUYỄN NHẬT HUY	28/07/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	5.500	2.500	1.600		9.600	NV2	
251	ĐẶNG THỊ THU HÀ	14/07/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	5.250	3.250	1.000		9.500	NV2	
252	BÙI TIẾN ĐẠT	03/10/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	5.500	1.500	2.400		9.400	NV2	
253	PHẠM LÊ QUỲNH NHƯ	27/08/2010	BÌNH DƯƠNG	KINH	4.000	1.250	2.600		7.850	NV1	
254	PHAN NHẬT TIẾN	25/12/2010	BÌNH DƯƠNG	KINH	3.500	1.750	2.400		7.650	NV1	
255	LÂM THẾ VINH	20/02/2010	BÌNH PHƯỚC	KHMER	3.250	0.750	2.200	1.0	7.200	NV1	
256	ĐẬU PHÚ TIẾN	21/05/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	3.000	0.750	2.200	1.0	6.950	NV1	
257	LÊ THUY LÂM	31/01/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	4.750	1.250	2.400		8.400	NV2	
258	NGÔ PHỤNG NHƯ	25/10/2010	TP HỒ CHÍ MINH	HOA	4.000	2.000	1.400	1.0	8.400	NV2	
259	NGUYỄN LONG PHƯƠNG	04/12/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	4.250	1.250	1.200		6.700	NV1	
260	NGUYỄN ĐỨC TRỌNG	01/07/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	3.500	1.000	2.200		6.700	NV1	

NGƯỜI LẬP BẢNG

[Signature]

Đường Văn Sơ

Bình Phước, ngày 27 tháng 6 năm 2025

PHO GIÁM ĐỐC



Trần Ngọc Thắng